



GIẢI PHÁP ĐƯA GIÁO DỤC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

TS. NGUYỄN TIẾN HÙNG
Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng

Cách mạng khoa học-công nghệ đem lại khả năng vừa chuyên môn hoá, vừa hợp tác giữa các quốc gia, và mức độ quốc tế hoá các sản phẩm ngày càng cao và tiếp theo, sự phát triển nhảy vọt trong khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông, dẫn đến sự phụ thuộc ngày càng sâu sắc giữa các quốc gia. Trong bối cảnh như vậy, xu thế toàn cầu hoá ngày càng phát triển và tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế của các quốc gia trên thế giới.

Các nghiên cứu gần đây đều khẳng định rằng xu thế hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi các nền giáo dục (GD): Một mặt, phải tạo ra được một lực lượng lao động có kỹ năng cao để giúp các doanh nghiệp có thể *cạnh tranh* được trong nền kinh tế toàn cầu và tự tìm kiếm được việc làm phù hợp trong môi trường cạnh tranh cao; và mặt khác, đảm bảo được sự *công bằng* trong GD.

Dưới đây chúng tôi xin trình bày một số giải pháp đưa GD đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế tại một số quốc gia đang phát triển Đông Nam Á và được minh họa cụ thể bởi 2 quốc gia Thái Lan và Indonesia.

1. Nâng cao chất lượng giáo dục

Muốn tạo ra một lực lượng lao động đủ sức cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu, cần phải tập trung vào việc nâng cao kết quả và chất lượng GD tại tất cả các cấp học để có thể nâng cao chất lượng lao động, vì suy cho cùng thì chất lượng lao động ít nhất cũng phụ thuộc vào nhận thức và kỹ năng của người lao động (Hanushek và Kimko, 2000). Kinh nghiệm cho thấy, nhân tố quan trọng tạo nên thế mạnh cạnh tranh để hội nhập kinh tế là chất lượng GD, ví dụ như kì thi quốc tế về toán học và khoa học lần thứ ba vào năm 1999 cho thấy Indonesia và Thái Lan đứng ở tốp cuối, thậm chí kết quả của Thái Lan còn dưới mức trung bình; trong khi đó Singapore, Hàn Quốc và Hồng Kông đứng ở tốp đầu (World Bank, 2000). Lý do là Hàn Quốc, Singapore và Hồng Kông hiện có nền kinh tế phát triển và tiềm

năng phát triển hơn Thái Lan và Indonesia do GD mang lại, vì vậy, *nâng cao chất lượng GD* cần được ưu tiên thực hiện để nâng cao tính cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu.

Thực tế, để có thể cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á đều quan tâm đến việc nâng cao chất lượng GD thông qua việc xây dựng đội ngũ nhà giáo có đủ khả năng trang bị các kỹ năng học tập cần thiết cho học sinh để trở thành người lao động có hiệu quả trong môi trường kinh tế mới. Nhìn chung, chất lượng giáo viên phụ thuộc vào "nỗ lực" và "năng lực" của họ. Để nâng cao nỗ lực của giáo viên, các quốc gia đều áp dụng định mức số ngày và số giờ cho giáo viên, đi đôi với việc kiểm tra và giám sát chặt chẽ có sự tham dự của phụ huynh và cộng đồng, cũng như chính sách thưởng/trả lương khuyến khích, và tạo điều kiện làm việc tốt cho giáo viên. Để nâng cao năng lực cho giáo viên cần nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng giảng dạy. Thông thường việc nâng cao kiến thức chuyên môn được tiến hành thông qua bồi dưỡng tại chức, tuy nhiên nó thường chưa mang lại hiệu quả. Cách làm hiệu quả là đào tạo bậc cao hơn cho giáo viên trước khi hành nghề, như đào tạo cao đẳng cho giáo viên tiểu học, đại học cho giáo viên trung học, sau đại học cho giảng viên đại học và tiến tới đào tạo đại học hoặc sau đại học cho toàn bộ đội ngũ giáo viên.

Ngoài ra, giảng dạy với chất lượng cao đòi hỏi phải thiết kế nội dung chương trình phù hợp. Để có thể đổi mới thành công chương trình GD đáp ứng hội nhập kinh tế trước hết phải xác định được các kỹ năng "cứng" (kỹ thuật) và "mềm" (quan hệ và giao tiếp) – là những kỹ năng giúp người học có thể thành công trong nền kinh tế toàn cầu. Các kỹ năng "cứng" và "mềm" bao gồm: kỹ năng quản lý thông tin, các nguồn lực và các quan hệ với con người cũng như tự quản lý bản thân. Thực tế, các kỹ năng cơ bản đầu tiên phải là kỹ năng đọc, viết, tính toán, và

quan trọng nhất là khả năng học suốt đời; tiếp theo, người lao động trong nền kinh tế toàn cầu có khả năng/kỹ năng mềm dẻo, linh hoạt, khả năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, khả năng thích nghi, năng động, và năng lực phê phán, đánh giá... Trong nền kinh tế toàn cầu, người lao động phải quan hệ với những người khác tại các địa phương khác nhau trong quốc gia cũng như quốc tế, nên đòi hỏi anh ta phải có khả năng giao tiếp đa văn hoá, làm việc theo đội, khả năng thương thuyết và giải quyết các mâu thuẫn và tạo điều kiện làm việc cho người khác. Nói cách khác, đó là khả năng làm việc với đồng nghiệp từ các nền văn hoá khác nhau, vì vậy cần có hiểu biết về các giá trị, văn hoá và quan điểm khác nhau. Trong bối cảnh như vậy, ngoại ngữ trở thành kỹ năng nghề nghiệp quan trọng, và kiến thức về các hệ thống văn hoá, lịch sử, chính trị, luật pháp và kinh tế của các quốc gia khác trở nên hết sức quan trọng với bất kỳ công việc nào của người lao động.

Đổi mới chương trình GD tại Indonesia được thực hiện thông qua nhiều cuộc cải cách GD khác nhau: Cuộc cải cách năm 1968 nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội nông thôn thông qua việc đề cao các kỹ năng nghề nghiệp và GD tiếp theo; Cuộc cải cách năm 1975 nhấn mạnh tầm quan trọng của phát triển khoa học và công nghệ, tuy nhiên, cuộc cải cách này bị hạn chế bởi nội dung chương trình quá nặng, trùng lặp và quá đề cao thi cử; Cuộc cải cách năm 1984 chủ yếu tập trung giảm tải nội dung để chương trình đơn giản hơn; và cuộc cải cách năm 1994 chủ yếu nhằm kết hợp chặt chẽ công nghệ thông qua các kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và các kỹ năng áp dụng lí thuyết vào thực tiễn, cũng như việc nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế toàn cầu (Yulaelawati, 2002). Đổi mới chương trình tại Thái Lan được thực hiện nhiều lần nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển toàn cầu, đặc biệt là năm 1999, Bộ GD Thái Lan đã công bố một chương trình GD mới để, một mặt, tập trung vào phát triển tri thức công nghệ, môi trường và toàn cầu hoá cho tất cả người dân ở mọi cấp học; và mặt khác, cho phép trẻ em Thái Lan được quyền chọn sách giáo khoa và có thể kiểm soát quá trình học tập của mình (International Development Research

Centre, 1999).

2. Xác định ưu tiên trong đầu tư giáo dục

Để có thể cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu, mỗi quốc gia đang phát triển, trong khuôn khổ tài chính eo hẹp của mình sẽ không thể đầu tư dàn trải, mà phải quyết định *ưu tiên đầu tư* cho cấp, bậc học nào trong hệ thống giáo dục (HTGD), để đem lại sự phát triển kinh tế tốt nhất, phù hợp với viễn cảnh trước mắt cũng như lâu dài của quốc gia. Các nghiên cứu của Mingat và Tan (1996) chứng minh rằng: (1) các quốc gia có thu nhập bình quân theo đầu người còn thấp, thì đầu tư cho GD tiểu học là cách tốt nhất để tăng trưởng kinh tế; (2) các quốc gia có thu nhập trung bình cần đầu tư cho GD trung học; và (3) các quốc gia có thu nhập cao hơn thì đầu tư cho GD đại học là tốt nhất.

Như vậy, đầu tư cho GD tiểu học sẽ đem lại lợi ích phát triển kinh tế tốt nhất tại các quốc gia đang phát triển, tức là chi tiêu công dành cho GD tiểu học sẽ đóng góp lớn nhất cho phát triển kinh tế. Thực tế, vào năm 2000-2001 tại Thái Lan, ngân sách dành cho GD tiểu học (chiếm 50,4% ngân sách GD) cao hơn GD trung học (20%) và GD đại học (15,4%); còn tại Indonesia, ngân sách dành cho GD tiểu học và trung học (chiếm 73,5%) cao hơn GD đại học (24,4%) (Unesco, 2003).

Lí do là đầu tư cho GD tiểu học chủ yếu mang lại lợi ích cho học sinh nghèo hơn so với học sinh giàu, nên sẽ giúp học sinh nghèo có cơ hội được học cao hơn, vì vậy, sẽ nâng cao được chất lượng lao động tương lai cho quốc gia. Tuy nhiên, cần lưu ý là tập trung đầu tư cho GD tiểu học phải đi đôi với việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận với trình độ GD cao hơn của các nhóm khác trong xã hội cũng như nhóm học sinh nghèo. Và một khi kinh tế phát triển, thu nhập theo đầu người tăng lên thì ưu tiên đầu tư GD sẽ chuyển sang cho GD trung học hoặc đại học và khả năng tiếp cận GD cao hơn cho người lao động được mở rộng hơn. Như vậy, đầu tư cho GD tiểu học không chỉ tăng được tính cạnh tranh về lực lượng lao động, mà còn góp phần đảm bảo tính công bằng trong tiếp cận GD.

3. Phân cấp và tư nhân hóa

Một nhân tố quan trọng khác để có thể cạnh tranh thành công trong nền kinh tế toàn cầu là tính hiệu quả trong chi phí GD, và vì vậy đòi hỏi, một mặt, phải cắt giảm chi phí trong hệ thống quản lý GD, và mặt khác, phải huy động được các nguồn



lực cho GD. Để làm được như vậy thì phải thực hiện chính sách phân cấp quản lý HTGD. Có sự khác nhau về mức độ giữa các quốc gia, nhưng nhìn chung, có hai quá trình phân cấp diễn ra tại các quốc gia đang phát triển tại Đông Nam Á: (1) trao quyền và trách nhiệm quản lý từ chính quyền trung ương cho cấp trung gian, đi đôi với việc nâng cao quyền tự chủ cho cơ sở GD; và (2) tháo dỡ các cản trở để phát triển GD tư thực (Nguyễn Tiến Hùng, 2004).

Tại Thái Lan, Hiến pháp năm 1997 và Đạo luật về chính quyền địa phương năm 1999 tăng quyền lực cho các chính quyền địa phương, tuy nhiên, quá trình phân cấp vẫn gặp nhiều khó khăn, do còn chưa phân định rõ ràng về trách nhiệm, quyền hạn và tính chịu trách nhiệm giữa các cấp quản lý, và có quá nhiều cấp. Luật GD sửa đổi năm 1999 của Thái Lan cho phép các cơ sở GD điều chỉnh chương trình quốc gia cho phù hợp với nhu cầu xã hội tại từng cộng đồng; và theo luật pháp hiện nay, quá trình phát triển chương trình tại Thái Lan được phân cấp cho địa phương (International Development Research Centre, 1999). Năm 2001, Indonesia đã chính thức tăng quyền tự chủ cho chính quyền địa phương, chuyển từ một quốc gia tập trung nhất sang mô hình phân cấp nhất trên thế giới. Tuy nhiên, do năng lực hạn chế nên chính quyền địa phương vẫn còn phụ thuộc nhiều vào trung ương về nguồn lực; mặt khác, các tổ chức xã hội và người dân còn ít kinh nghiệm nên còn chưa phát huy được thế mạnh của phân cấp. Chính phủ Indonesia với sự trợ giúp quốc tế đang áp dụng các điều luật, quy định... nhằm tăng cường sự tham dự của người dân đi đôi với tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý tại địa phương để đem lại thành công cho quá trình phân cấp trong việc cung cấp các dịch vụ GD (Yulaelwati, 2002).

Tư nhân hóa là một kiểu phân cấp mạnh nhất và được áp dụng dưới một số hình thức tại các quốc gia đang phát triển. GD tư thực được coi là một giải pháp có hiệu quả để khắc phục các sức ép về tài chính, và trên thực tế, nó có thể cung cấp một chất lượng GD tốt hơn với một chi phí ít hơn so với GD công; và GD tư thường phổ biến ở trung học và đại học hơn so với tiểu học (Chapman, 2002). Thực tế, tỉ lệ học sinh trường tư trong giai đoạn 1996-99 tại Thái Lan tăng từ 13% lên 13,1% ở cấp tiểu học và từ 6% lên 16,2% ở cấp trung học; còn các tỉ lệ này tại Indonesia tăng từ 17% lên 17,6% ở tiểu học

và từ 49% lên 49,2% ở trung học (Unesco, 2003). Lí lẽ chính để phát triển GD tư thực là nhằm tăng cường nguồn lực cho GD, nên việc khuyến khích GD tư phát triển là cách để các chính phủ giảm bớt gánh nặng chi tiêu công cho GD cho một số cấp học hoặc nhóm học sinh. Lí lẽ khác là GD tư thực chính là hình thức mở rộng quy mô GD giúp cho người học có khả năng tiếp cận GD lớn hơn và cao hơn, và vì vậy, đảm bảo công bằng GD tốt hơn. Cuối cùng, có nhiều khả năng tiếp cận với trình độ GD cao hơn chính là thế mạnh trong cạnh tranh của nền kinh tế toàn cầu. Một so sánh cho thấy là trong số dân số từ 25 tuổi trở lên, tại Thái Lan có 5% tốt nghiệp trung học (năm 1990) và 10% tốt nghiệp đại học (năm 1995); còn Indonesia là 12% và 4%. Trong khi đó, tỉ lệ này tại Hàn Quốc là 54% và 19%, Hồng Kông là 43% và 14%, và Singapore là 31% và 7% (World Bank, 2000). Điều đó khẳng định thêm tại sao nền kinh tế Hàn Quốc, Hồng Kông và Singapore không chỉ đang phát triển hơn mà còn có tiềm năng phát triển hơn.

4. Ứng dụng ICT và thiết lập hệ thống giáo dục suốt đời

Nền kinh tế toàn cầu thường đòi hỏi người lao động phải làm những nhiệm vụ phức tạp và thường phải chuyển đổi nhiều nghề trong cuộc đời làm việc của mình, vì vậy, cần thiết lập *hệ thống học tập suốt đời* cho người dân. Thật vậy, để trang bị những kiến thức, kỹ năng và thái độ đáp ứng nền kinh tế toàn cầu cần có mô hình mới để mọi người có thể vừa học tập và làm việc suốt cả cuộc đời, mô hình này bao gồm học tập chính quy (qua các trường phổ thông, các cơ sở đào tạo, các trường đại học) và thường xuyên (đào tạo tại sản xuất, tại hộ gia đình, từ nghề gia truyền...) (Nguyễn Tiến Hùng, 2007). Mô hình học tập suốt đời tạo cơ hội cho người dân học những gì họ cần hơn là việc cần học những gì theo lứa tuổi. Dưới đây, chúng tôi xin tóm tắt sự khác nhau giữa mô hình học tập truyền thống và mô hình học tập suốt đời (Linden and Patrinos, 2003):

Mô hình truyền thống	Mô hình học tập suốt đời
▪ Giáo viên là nguồn kiến thức;	▪ Nhà GD chỉ dẫn nguồn kiến thức;
▪ Người học nhận kiến thức từ giáo viên;	▪ Học thông qua việc làm;
▪ Người học tự học;	▪ Học theo nhóm và học lẫn nhau;



▪ Thi/kiểm tra để đánh giá tiến bộ đến khi hoàn thành các chuẩn kĩ năng và tiếp tục học lên cao;	▪ Đánh giá để hướng dẫn các chiến lược học tập và xác định cách học tiếp theo;
▪ Tất cả người học cùng làm một việc như nhau;	▪ Nhà GD phát triển các kế hoạch học tập cho từng cá nhân;
▪ Giáo viên được đào tạo ban đầu và bồi dưỡng thường xuyên;	▪ Nhà GD là người học suốt đời. Đào tạo ban đầu và phát triển nghề nghiệp được liên kết với nhau;
▪ Người học "tốt" sẽ được học tiếp.	▪ Mọi người đều có cơ hội học tập suốt đời.

Năm 1999, Thái Lan ban hành Đạo luật GD quốc gia quy định việc cung cấp GD phải dựa trên nguyên tắc "GD suốt đời" cho tất cả người Thái, mở cửa cho tất cả đối tượng trong xã hội có thể hợp tác cung cấp dịch vụ GD, và tích hợp các môn học vào quá trình học tập từ thấp đến cao. Để thực hiện nguyên tắc "học suốt đời", tất cả các hình thức học tập chính quy và thường xuyên đều được luật pháp công nhận. Quá trình GD coi người học là trọng tâm để phát triển tối đa khả năng cá nhân, và giáo viên chuyển từ người "thuyết trình" sang người "tạo điều kiện" để giúp người học tự học, tự thu thập, phân tích và xử lý thông tin. Cũng theo Đạo luật trên thì các cơ sở GD được quyền cung cấp tất cả các hình thức GD (chính quy và thường xuyên) và Nhà nước tạo điều kiện và cung cấp các nguồn lực cho việc học tập suốt đời của người dân, như các thư viện công, các bảo tàng, các triển lãm nghệ thuật, sở thú, công viên, trung tâm khoa học và công nghệ, trung tâm giải trí và thể thao, các cơ sở dữ liệu và các nguồn học tập khác. Ngoài ra, nhu cầu ứng dụng ICT trong HTGD là rất lớn và Chính phủ đang có các chính sách khuyến khích phát triển ICT trong nhà trường và HTGD (Thailand Education Ministry, 1999).

Tại Indonesia, ứng dụng ICT trong GD luôn được quan tâm, đặc biệt là theo Sắc lệnh của Tổng thống năm 2000, một Đội điều phối về ICT được thành lập gồm tất cả các bộ trưởng có nhiệm vụ xây dựng, thực hiện và kiểm soát các chính sách để phát triển việc ứng dụng ICT trong tất cả các ngành. Trong GD có chương trình e-education nhằm ứng dụng ICT trong GD do Bộ trưởng GD chịu trách nhiệm điều hành và báo cáo kết quả trực tiếp với

tổng thống. Tiếp theo, hiện nay ở GD trung học của Indonesia, các tài liệu học tập của một số môn học được thiết kế theo kiểu e-learning, còn ở đại học đã áp dụng các khóa học trực tuyến, xây dựng các thư viện điện tử... Năm học 2002-03, Bộ GD thử nghiệm loại hình trường trung học phổ thông mở theo cách sử dụng e-learning cho 7 quận trong 6 tỉnh ở Indonesia.

4. Kết luận

Hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu mang lại nhiều cơ hội, nhưng đồng thời cũng tạo ra rất nhiều thách thức cho các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Để có thể vượt qua các thách thức và tận dụng tốt các cơ hội của hội nhập quốc tế, các quốc gia đang phát triển Đông Nam Á đều nhận thức GD là công cụ quan trọng hàng đầu cho quá trình hòa nhập, vì GD giúp nâng cao dân trí và đào tạo ra nguồn nhân lực cho sự nghiệp phát triển của mỗi quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Hùng (2004), *Một số kinh nghiệm quốc tế về phân cấp QLGD phổ thông*, Tạp chí Phát triển Giáo dục, số 12/72, tr. 26-27, 29.
2. Chapman, D. (2002), *Management and Efficiency in Education: Goals and Strategies*, Asian Development Bank. Manila.
3. Yulaelawati, Ella (2002), *National Education Reform in Indonesia: Milestones and Strategies for the Reform Process*, Ministry of National Education, Indonesia
4. Hanushek, E.A. and D.D. Kimko (2000), "Schooling, Labor-Force Quality, and the Growth of Nations", American Economic Review, Vol. 90 (5) pp.1184-1208.
5. Nguyễn Tiến Hùng (2007), "Understanding Lifelong Learning: A Perspective on The World today and Vietnam", KEDI Journal of Educational Policy, Vol.4, No.2 năm 2007...

SUMMARY

For the improvement of population's knowledge and training of skilled manpower to compete in global context, developed nations in Southeast Asia have been conducting education development measures such as decentralization, privatization, curriculum and method changes and creating lifelong learning system.